

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1330 /SKHCN-QLKH

Gia Lai, ngày 21 tháng 10 năm 2023

V/v giới thiệu thành viên tham gia Hội
đồng tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên
cứu và triển khai năm 2024

phụ lục và 1 TAT
tư vấn
26.10.23

Kính gửi:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN	
Số:.....	1622
ĐẾN Ngày:.....	26/10/2023
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai;
- Các Sở, ban, ngành: Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng;
- Văn phòng Đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Đà Nẵng;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định;
- UBND Thành phố Pleiku;
- Trường Đại học Quy Nhơn;
- Trường Đại học Tây Nguyên;
- Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;
- Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học Lâm nghiệp;
- Trường Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh;
- Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ;
- Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên;
- Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai;
- Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert);
- Trung tâm Thông tin truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ) năm 2024. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai đã dự thảo danh sách các Hội đồng tư vấn, đề nghị các các sở, ban, ngành trong tỉnh và các Viện, Trường đại học, các đơn vị xem xét có ý kiến thống nhất theo danh sách hoặc giới thiệu cử thành viên tham gia các Hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở dự thảo. Việc giới thiệu thành viên tham gia các Hội đồng tư vấn cần có chuyên môn phù hợp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh trong năm 2024.

(Gửi kèm Dự kiến các Hội đồng tư vấn và Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất lựa chọn để xem xét thực hiện từ năm 2024)

Thông tin giới thiệu thành viên tham gia Hội đồng tư vấn bao gồm: Họ và tên; Chức vụ; Trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Học hàm, học vị; Địa chỉ; Email và số điện thoại liên hệ.

Văn bản giới thiệu, cử thành viên tham gia các Hội đồng tư vấn đề nghị các đơn vị gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai trước ngày **27/10/2023** để tổng hợp, trình UBND tỉnh Gia Lai xem xét Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2024. Thông tin liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai (thông qua Phòng Quản lý Khoa học) theo số điện thoại: 0269.3830166. Đồng thời, văn bản gửi qua địa Email: haintt.skhn@gialai.gov.vn (Di động 0987537084).

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Hải



DỰ KIẾN THÀNH PHẦN

HỘI ĐỒNG KH&CN CHUYÊN NGÀNH XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ Nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh năm 2024

(Kèm theo Công văn số: 1330 /SKHCN-QLKH ngày 21/10/2023 của
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

A. LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP

1. PGS. TS. Nguyễn Danh, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh Gia Lai - Chủ tịch Hội đồng;
 2. TS. Hồ Huy Cường, Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ - Phản biện 1;
 3. PGS.TS. Ninh Thị Phíp, Phó trưởng khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam - phản biện 2;
 4. ThS. Đinh Ngọc Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 5. KS. Đoàn Ngọc Có, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên;
 6. ThS. Trần Anh Tuấn, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 7. TS. Nguyễn Thị Hải Yến, Trưởng Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên - Ủy viên;
 8. TS. Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế - Ủy viên;
 9. ThS. Trương Xuân Phú, Phó Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên.
- Thư ký hành chính: ThS. Nguyễn Đặng Toàn Chương, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ.



B. LĨNH VỰC: KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

1. ThS. Nguyễn Nam Hải, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Chủ tịch Hội đồng;

2. GS.TS. Nguyễn Kim Lợi, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Trưởng Bộ môn Thông tin Địa lý Ứng dụng, Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh - Phản biện 1;

3. PGS.TS. Bùi Thế Đồi, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp - Phản biện 2;

4. TS. Nguyễn Hữu Xuân, Giảng viên chính, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn - Ủy viên;

5. ThS. Đinh Ngọc Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

6. ThS. Nguyễn Đức Hoàng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

7. ThS. Vũ Ngọc An, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

8. ThS. Đặng Quang Khanh, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

9. CN. Trần Thị Kim Vương, Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên.

Thư ký hành chính: KS. Nguyễn Thị Thu Hải, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

C. LĨNH VỰC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1. ThS. Nguyễn Nam Hải, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Chủ tịch Hội đồng;

2. PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu lâm nghiệp và Biến đổi khí hậu, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp - Phản biện 1;

3. TS. Nguyễn Hữu Xuân, Giảng viên chính, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn - Phản biện 2;

4. ThS. Đinh Ngọc Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

5. ThS. Vũ Ngọc An, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

6. ThS. Đặng Quang Khanh, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

7. ThS. Trần Quang Hào, Phó Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên - Ủy viên;

8. ThS. Huỳnh Cao Thoại, Phó Trưởng phòng Sử dụng, Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

9. CN. Trần Thị Kim Vương, Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên.

Thư ký hành chính: KS. Nguyễn Thị Thu Hải, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

D. LĨNH VỰC: VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUẢN LÝ

1. ThS. Nguyễn Nam Hải, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Chủ tịch Hội đồng;

2. PGS.TS. Lâm Nhân, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh - Phản biện 1;

3. TS. Nguyễn Bá Thạch, Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai - Phản biện 2;

4. ThS. Nguyễn Đức Hoàng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

5. ThS. Đinh Ngọc Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

6. ThS. Võ Phúc Ánh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

7. TS. Nguyễn Thị Kim Vân, Ủy viên Ban chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai- Ủy viên;

8. ThS. Y Nguyên Ênuôl, Chi Cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

9. CN. Trần Thị Kim Vương, Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên.

Thư ký hành chính: CN. Trần Thị Lan Phương, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

E. LĨNH VỰC: SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. ThS. Nguyễn Ngọc Cường, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Chủ tịch Hội đồng;
 2. ThS. Nguyễn Thị Thuý, Phó Trưởng Văn phòng, Phụ trách Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Đà Nẵng - Phản biện 1;
 3. ThS. Đặng Phúc Giang, Trưởng phòng Phát triển Ngành hàng và Thương hiệu, Trung tâm Phát triển nông thôn, Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phản biện 2;
 4. ThS. Nguyễn Đức Hoàng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 5. KS. Đoàn Ngọc Có, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 6. CN. Nguyễn Duy Lộc, Phó Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Gia Lai - Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 7. KS. Phạm Ngọc Huyền, Phó Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 8. ThS. Phan Hồng Trường, Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên;
 9. ThS. Đặng Mạnh Hậu, Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên.
- Thư ký hành chính: CN. Trần Thị Lan Phương, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

F. LĨNH VỰC: NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG

1. ThS. Nguyễn Thị Phương Mai, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Chủ tịch Hội đồng;

2. ThS. Nguyễn Tuấn Anh, Phó Giám đốc Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert) thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ - Phản biện 1;

3. ThS. Ngô Văn Mạc, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ - Phản biện 2;

4. CN. Phạm Công Thành, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

5. TS. Nguyễn Văn Long, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

6. CN. Nguyễn Duy Lộc, Phó Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Gia Lai - Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

7. DS.CKI. Đỗ Anh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm, Sở Y tế tỉnh Gia Lai - Ủy viên;

8. ThS. Tạ Chí Đông Luân, Phó Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định - Ủy viên;

9. ThS. Phan Hồng Trường, Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai - Ủy viên.

Thư ký hành chính: ThS. Nguyễn Đăng Toàn Chương, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ.

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐỂ XEM XÉT THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024

(Kèm theo Công văn 2330 /SKHCN-QLKH ngày 21/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
Lĩnh vực: Khoa học Nông nghiệp (05 nhiệm vụ)				
1	Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và bảo tồn cá đá sông Ba tại tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu chung: Khảo sát cơ sở dữ liệu về đặc điểm sinh học (dinh dưỡng, sinh trưởng và sinh sản) cá đá sông Ba, làm cơ sở nghiên cứu xây dựng thành công qui trình kỹ thuật sản xuất giống, nhằm cung cấp giống cho nghề nuôi thương phẩm góp phần làm phong phú đa dạng giống loài thủy sản bên cạnh đó giúp bảo tồn khai thác hợp lý nguồn lợi tự nhiên tại tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Định danh được loài cá đá sông Ba dựa vào phân tích đặc điểm hình thái và sinh học phân tử. - Xác định được điều kiện tự nhiên, nơi phân bố của cá đá sông Ba. - Thu thập đàn cá từ nguồn khai thác tự nhiên, thuần dưỡng đàn cá bố mẹ trong điều kiện nuôi nhân tạo. - Xác định được các đặc điểm sinh học của cá đá sông Ba. - Nghiên cứu thành công quy trình kỹ thuật	- Xây dựng và chuyển giao thành công quy trình sản xuất giống cá đá sông Ba tại tỉnh Gia Lai đạt thông số kỹ thuật sau: - Tỷ lệ cá thành thực (70%), - Tỷ lệ sinh sản (70%), - Tỷ lệ thụ tinh (80%), - Tỷ lệ nở (80%), - Tỷ lệ sống đến cá giống (70%) - Sản lượng cá con đạt kích thước 4 – 5 cm: 2000 con. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học.	- Đơn vị đề xuất: Trung tâm Công nghệ Sinh học TP. Hồ Chí Minh - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thị xã An Khê



STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		sản xuất giống cá đá sông Ba. - Nghiên cứu và xây dựng quy trình ương nuôi nuôi ấu trùng cá đá sông Ba lên giai đoạn 2 – 3 cm. - Nghiên cứu và xây dựng quy trình ương nuôi thương phẩm cá đá sông Ba.		
2	Xây dựng mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn và chuỗi liên kết trong lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy sản.	Mục tiêu chung Xây dựng thí điểm mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn làm cơ sở nhân rộng chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản góp phần nâng cao giá trị thúc đẩy phát triển và chuyển dịch kinh tế xã hội, giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Mục tiêu cụ thể - Thiết lập được mô hình liên kết ngang các hộ nông dân (HTX) sản xuất nông nghiệp với các doanh nghiệp trong việc cung cấp phế phụ phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi và phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. - Xây dựng thành công mã vùng trồng và liên kết sản xuất chuỗi giữa hộ dân (HTX) với doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp và bao tiêu xuất khẩu. - Xây dựng được quy trình sản xuất tại các khâu của chuỗi sản xuất nhằm phổ biến nhân rộng phục vụ phát triển kinh tế hộ gia đình.	- Xây dựng được chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp với các hộ nông dân/tổ hợp tác (dự kiến 20 hộ) cung cấp nguồn phân phế thải từ chăn nuôi để làm đầu vào sản xuất phân bón hữu cơ cung cấp cho thị trường và cho các mất xích trồng trọt trong toàn chuỗi. - Xây dựng chuỗi liên kết các hộ nông dân/HTX trồng ớt với tổ hợp các doanh nghiệp (dự kiến 30 hộ; diện tích từ 10-50 ha). - Xây dựng chuỗi liên kết các hộ nông dân/HTX trồng Sachi với tổ hợp các doanh nghiệp (dự kiến 30 hộ; diện tích từ 30-100 ha). - Quy trình sản xuất trồng ớt, Sachi đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh Gia Lai; năng suất 20 tấn/ha/vụ; chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. - Quy trình công nghệ nuôi sinh vật chuyển đổi sinh khối đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Quy mô thử nghiệm Dự kiến giun quế 1000 m²; ruồi lính đen 500 m². Năng suất giun đạt tối thiểu 01 kg/ m²; Khả năng tiêu thụ phế phụ phẩm nông nghiệp/đơn vị nuôi đạt 15 - 20 kg/m²/ngày. - Chuyển giao công nghệ, hoàn thiện quy	- Đơn vị đề xuất: Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản. - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thị xã An Khê

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
3	Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen cá chột Ayunpa bản địa và thực nghiệm phát triển các mô hình sản xuất sinh kế nâng cao thu nhập cho hộ dân ở tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu chung Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chột Ayun Pa để chuyển giao ứng dụng kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, góp phần bảo tồn nguồn gen và phát triển bền vững nguồn lợi loài cá chột bản địa quý hiếm trên địa bàn của tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể - Phân tích, đánh giá được đặc tính phân bố, đặc điểm sinh thái môi trường và một số đặc điểm sinh học cá chột hiện diện trong các lưu vực tỉnh Gia Lai. - Phân tích và định danh khoa học được các loài cá chột bản địa hiện phân bố trong các lưu vực thị xã Ayun Pa tỉnh Gia Lai. Xác định loài cá chột chiếm ưu thế trong phân bố và có giá trị thị trường để phát triển các mô hình sản xuất sinh kế. - Xây dựng được: Quy trình kỹ thuật sinh sản; Quy trình kỹ thuật ương giống; Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm loài cá chột có giá trị thị trường, phù hợp với điều kiện sinh thái môi trường các thủy vực ở thị xã Ayun Pa tỉnh Gia Lai. - Thiết lập, xây dựng được một cơ sở sản	trình nuôi lươn phù hợp với điều kiện tỉnh Gia lai: Quy mô đề xuất làm thử nghiệm 100 m² (10 bể), mật độ nuôi 100 con/m². Năng suất 2-3 tấn/100 m². - Báo cáo tổng hợp kết quả dự án. - Quy trình kỹ thuật tác động nuôi vỗ thành thực sinh dục cá chột tham gia sinh sản trong lưu vực của thị xã Ayun Pa tỉnh Gia Lai. - Quy trình quy trình kỹ thuật sinh sản; Quy trình kỹ thuật ương giống cá chột, cung cấp con giống cho các mô hình nuôi cá thương phẩm. - Quy trình kỹ thuật nuôi cá chột thương phẩm cung cấp sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của người dân. - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. Bài báo khoa học.	- Đơn vị đề xuất: Trường Đại học Thủy sản, Đại Học Cần Thơ - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
4	Nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh Gia Lai.	xuất giống cá chốt bản địa, dạng qui mô nông hộ, chủ động sản xuất và cung cấp con giống cho các mô hình nuôi cá thương phẩm cung cấp sản phẩm cho thị trường tiêu dùng. - Hình thành được một mô hình sản xuất sinh kế, tạo ra sản phẩm sạch, dưới phương thức tổ hợp tác sản xuất (5 – 10 hộ dân tham gia), để cải thiện điều kiện thu nhập cho người dân, đồng thời thu hút khách tham quan, du lịch trên địa bàn thị xã Ayun Pa tỉnh Gia Lai trong tương lai. - Đề xuất các giải pháp bảo tồn, tái tạo và quản lý tốt nguồn gen, cũng như duy trì phát triển bền vững các mô hình sản xuất cá chốt bản địa, từng bước nâng cao thu nhập của người dân trên địa bàn thị xã Ayun Pa tỉnh Gia Lai. Mục tiêu chung: Nâng cao tỷ lệ chế biến một số nông sản chủ lực của tỉnh Gia Lai gắn với thị trường trong và ngoài nước Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá thực trạng xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Gia Lai. - Đánh giá thực trạng tỷ lệ chế biến trong một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Gia Lai. - Đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ chế biến một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Gia Lai gắn với thị trường trong và ngoài nước.	- Báo cáo cơ sở khoa học về tỷ lệ chế biến trong sản phẩm nông sản chủ lực gắn với thị trường trong và ngoài nước. - Báo cáo đánh giá thực trạng sản xuất chế biến một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Gia Lai gắn với thị trường trong và ngoài nước. - Báo cáo đánh giá tỷ lệ sản xuất chế biến một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Gia Lai. - Báo cáo phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao tỷ lệ chế biến sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh Gia Lai	- Đơn vị đề xuất: Trường Đại học Ngoại thương - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
5	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen loài Bình vôi (<i>Stephania rotunda</i> Lour. Menispermaceae).	Mục tiêu chung: Nghiên cứu, bảo tồn loài Bình vôi (<i>Stephania rotunda</i> Lour. Menispermaceae) nhằm đưa cây được liệu bản địa vào sản xuất phục vụ công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen cây được liệu bản địa tại tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá được hiện trạng phân bố, trữ lượng cây Bình vôi trong tự nhiên và thực hiện gây trồng, phát triển loài Bình vôi làm được liệu tại tỉnh Gia Lai. - Xây dựng mô hình kỹ thuật nhân giống, quy trình kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản, sơ chế và chế biến được liệu Bình vôi theo tiêu chuẩn GACP-WHO và GMP-WHO.	- Báo cáo đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ chế biến một số nông sản chủ lực của tỉnh Gia Lai gắn với thị trường trong và ngoài nước. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học. - Đánh giá hiện trạng phân bố tự nhiên và khả năng gây trồng, phát triển loài Bình vôi làm được liệu tại Gia Lai. Thiết lập bản đồ hiện trạng phân bố tự nhiên của loài Bình vôi và đánh giá khả năng gây trồng, phát triển loài Bình vôi làm được liệu tại tỉnh Gia Lai. - Xây dựng 01 vườn sưu tập gen của loài Bình vôi tại Gia Lai. Phân tích thành phần hoạt chất khẳng định giá trị dược liệu. - Xây dựng mô hình kỹ thuật nhân giống, quy trình kỹ thuật trồng, thu hoạch, sơ chế, chế biến Bình vôi theo tiêu chuẩn GACP-WHO và GMP-WHO. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học. - Thực hiện việc đăng ký bản công bố của 01 sản phẩm là thực phẩm bảo vệ sức khỏe được chế biến từ dược liệu Bình vôi với Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.	- Đơn vị đề xuất: Công ty cổ phần phát triển Dược liệu Gia Lai. - Đơn vị đặt hàng: Sở Y tế
Lĩnh vực: Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ (03 nhiệm vụ)				
6	Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý, giám sát khu vực đường biên để đảm	Mục tiêu chung: Xây dựng được Hệ thống phần mềm quản lý, giám sát tổng hợp về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và kinh tế - xã hội khu vực các huyện biên giới tỉnh Gia Lai trên nền tảng WebGIS và Mobile GIS.	- Báo cáo khoa học về giải đoán, phát hiện sự thay đổi của các đối tượng trên ảnh viễn thám và quy trình chiết xuất thông tin phục vụ xây dựng CSDL quản lý, giám sát khu vực biên giới.	- Đơn vị đề xuất: Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam - Đơn vị đặt hàng:

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	bảo quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội tại các huyện biên giới tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng được bộ CSDL GIS về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và kinh tế - xã hội tại các huyện biên giới tỉnh Gia Lai từ tư liệu viễn thám. - Xây dựng được hệ thống quản lý, giám sát và cung cấp thông tin tổng hợp bằng WebGIS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh tại các huyện biên giới tỉnh Gia Lai. - Đề xuất được các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh các huyện biên giới tỉnh Gia Lai.	Hệ thống phần mềm thông tin tổng hợp trên WebGIS và Mobile GIS phục vụ công tác quản lý, giám sát đường biên và trợ giúp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng biên giới tỉnh Gia Lai. + CSDL GIS về đường biên giới tỉnh Gia Lai (Đường biên, các mốc biên giới, các cửa khẩu, các lối mòn, các công trình trên đường biên, khu kinh tế quốc phòng,...) + CSDL các huyện, xã vùng biên giới (Tài nguyên thiên nhiên, dân số, dân tộc, kinh tế - xã hội, y tế - giáo dục,...) - Báo cáo đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với đảm bảo quốc phòng an ninh vùng biên giới tỉnh Gia Lai. - Bình đồ ảnh vệ tinh và các chuyên đề của khu vực biên giới tỉnh Gia Lai. - Tài liệu hướng dẫn khai thác sử dụng Hệ thống phần mềm thông tin tổng hợp WebGIS và Mobile GIS cho các cán bộ tỉnh Gia Lai. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học.	UBND các huyện: Đức Cơ, Ia Grai.
7	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu GIS về tài nguyên sinh vật và công cụ WebGIS phục vụ trong công tác quản lý, quy hoạch, cập nhật, tra cứu thông tin trên	Mục tiêu chung: Đánh giá hiện trạng và xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên sinh vật, nhằm phục vụ trong công tác nghiên cứu, quản lý dưới dạng WebGIS. Từ đó đề xuất các nhóm giải pháp để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian đến. Mục tiêu cụ thể	Bộ cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, làm cơ sở cho việc quản lý tổng hợp tài nguyên sinh học, phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Gia Lai. Trong đó, có đầy đủ các danh lục thành phần loài thực vật (Thực vật bậc cao, nấm), động vật có xương sống (cá, lưỡng cư - bò sát, chim, thú), động vật không xương sống (bướm, giáp xác cỡ lớn, thân mềm) kèm	- Đơn vị đề xuất: Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	địa bàn tỉnh Gia Lai.	- Đánh giá được hiện trạng tài nguyên sinh vật ở tỉnh Gia Lai: Có được cơ sở dữ liệu khoa học về hiện trạng thành phần loài, đặc trưng phân bố, các đặc tính về sinh học, sinh thái và môi trường sống của các nhóm động thực vật hiện có trên địa bàn tỉnh Gia Lai làm cơ sở cho công tác bảo tồn, lập hệ thống cơ sở dữ liệu. - Xây dựng danh lục thành phần loài động thực vật kèm theo hình ảnh minh chứng đầy đủ các loài thuộc nhóm thực vật (nấm, thực vật bậc cao); động vật có xương sống (cá, lưỡng cư - bò sát, chim, thú); động vật không xương sống (bướm, giáp xác cỡ lớn: tôm, cua và thân mềm); các loài quý hiếm, các loài có ích, các loài đặc hữu phân bố trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Bổ sung cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học của tỉnh; xây dựng dữ liệu GIS và công cụ WebGIS phục vụ quản lý, quy hoạch, cập nhật, tra cứu thông tin về các loài động thực vật góp phần vào công tác quản lý, bảo tồn, phát triển kinh tế, du lịch sinh thái theo hướng bền vững tài nguyên sinh vật của tỉnh Gia Lai. - Đề xuất được các nhóm giải pháp phát triển bền vững tài nguyên sinh vật ở tỉnh Gia Lai.	theo đặc điểm phân bố, giá trị kinh tế, giá trị bảo tồn (loài có ích, các loài quý hiếm, các loài đặc hữu). - Hồ sơ bộ mẫu dự kiến khoảng trên 2000 loài động thực vật ở tỉnh Gia Lai. - Công cụ truy vấn dữ liệu và thông tin về tài nguyên sinh vật tỉnh Gia Lai dưới dạng trí tuệ nhân tạo (AI). - Bộ hồ sơ phân tích thiết kế hệ thống, tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu trong đề tài. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Sách chuyên khảo về hiện trạng đa dạng sinh học tỉnh Gia Lai. - Đào tạo 01 - 02 thực sĩ. - Bài báo khoa học. - Các giải pháp phát triển bền vững tài nguyên sinh vật ở tỉnh Gia Lai.	
8	Nghiên cứu phát triển bản đồ số du lịch trên địa bàn tỉnh	Mục tiêu chung: Nghiên cứu, xây dựng bản đồ số du lịch trên nền thực tại ảo các điểm du lịch nổi bật	- Bộ cơ sở dữ liệu số hóa 3D, phim VR 360, thuyết minh âm thanh, MC ảo phục vụ các Tour tham quan ảo tương tác 3D	- Đơn vị đề xuất: Trường Đại học Duy Tân - Đơn vị đặt hàng: Sở

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	Gia Lai.	của tỉnh Gia Lai. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên số 3D số hoá hình ảnh và thuyết minh tại một số điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai trên nền tảng kỹ thuật công nghệ 4.0 hướng tới du lịch thông minh, từng bước tạo nền tảng dữ liệu số mang tính đồng bộ của thành phố. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng CSDL tài nguyên số về một số điểm du lịch của thành phố: dữ liệu số hóa 3D, phim VR 360, thuyết minh âm thanh, MC ảo phục vụ các Tour tham quan ảo tương tác 3D - Xây dựng Website 3D tích hợp hệ thống. - Bổ sung và tích hợp dữ liệu số 3D vào cổng thông tin điện tử của Tổng cục Du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai.	- Website 3D tích hợp hệ thống. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học.	Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
Lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên (01 nhiệm vụ)				
9	Phân tích mối quan hệ đa thời gian và không gian của thay đổi thảm phủ rừng và các nhân tố khí hậu tại tỉnh Gia Lai làm cơ sở định hướng phát triển bền vững thích ứng với BĐKH.	Mục tiêu chung: Tiếp cận tổng hợp trong đánh giá và giám sát nguồn tài nguyên rừng làm cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần trong xem xét xây dựng các chiến lược, kế hoạch quản lý và phát triển nông lâm nghiệp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH tại tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Định lượng thay đổi thảm phủ rừng trong giai đoạn từ 2013 – 2023. - Phân tích biến đổi nhiệt độ, lượng mưa và	- Bộ dữ liệu số về các loại bản đồ được phân tích từ ảnh vệ tinh giai đoạn 2013 đến 2023. - 02 báo cáo chuyên đề gồm (1) Phân tích thay đổi thảm phủ rừng trong giai đoạn; (2) Phân tích biến động nhiệt độ và lượng mưa; biến động hiện trạng nước mặt trong giai đoạn; chỉ tiêu cần đạt: Dữ liệu và bản đồ số liên quan; - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học.	- Đơn vị đề xuất: Trường Đại học Tây Nguyên. - Đơn vị đặt hàng: - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		diện tích nước mặt trong giai đoạn từ 2013 - 2023. - Xây dựng mối quan hệ giữa thay đổi rừng với các nhân tố khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa) và nước mặt. - Xây dựng mối quan hệ giữa biến động thảm phủ rừng và nhân tố môi trường (lượng mưa, nhiệt độ, nước mặt). - Đánh giá nguy cơ tác động của thay đổi thảm phủ rừng với nhân tố khí hậu, nước mặt và đề xuất giải pháp giảm nhẹ.		
Lĩnh vực: Khoa học Văn Hóa, Xã hội và Quản lý (05 nhiệm vụ)				
10	Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch xanh tại khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu chung: Xây dựng và phát triển được mô hình du lịch xanh, tạo ra sản phẩm du lịch mới, tour du lịch độc đáo, hấp dẫn có sức thu hút du khách, gắn với phát triển tri thức bản địa của đồng bào dân tộc thiểu số và bảo vệ giá trị tài nguyên, môi trường du lịch của khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững du lịch tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Hoàn thiện cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình du lịch xanh gắn với gia tăng giá trị dịch vụ hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và tri thức văn hóa bản địa của cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương. - Đánh giá tiềm năng hệ sinh thái và thực trạng phát triển du lịch tại khu DTSQ thế giới	- Tổng quan về thực trạng chính sách quản lý, phát triển du lịch xanh tại các khu bảo tồn Việt Nam và thế giới. - Bảo cáo kết quả khảo sát hiện trạng hệ sinh thái, nhu cầu phát triển du lịch xanh, du lịch khám phá trải nghiệm và thực trạng tri thức văn hóa bản địa của đồng bào dân tộc thiểu số tại khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Phân tích SWOT về phát triển du lịch xanh tại khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Bảo cáo cơ sở khoa học về du lịch xanh, xây dựng mô hình du lịch xanh, du lịch trải nghiệm tại DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Bộ tiêu chí du lịch xanh cho những hoạt động du lịch/sản phẩm du lịch đặc thù tại khu	- Đơn vị đề xuất: Khoa Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn. - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Xây dựng, chuyển giao 02 mô hình du lịch xanh gắn với sản phẩm du lịch tham quan, trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, tri thức văn hóa bản địa tại VQG Kon Ka Kinh và khu BTTN Kon Chư Răng, góp phần tạo việc làm, thu nhập, nâng cao mức sống cho các hộ dân địa phương tham gia mô hình. - Nâng cao nhận thức và hành động thiết thực cho cộng đồng, du khách... trong việc bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên, tri thức văn hóa bản địa của đồng bào dân tộc thiểu số tại khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Đề xuất chính sách và giải pháp triển du lịch xanh tại khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng.	DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Bản đồ thực trạng phân bổ tài nguyên du lịch (Tỷ lệ: 1: 100.000). - Bộ bản đồ định hướng không gian phát triển du lịch điểm, tuyến gắn với những tour du lịch tham quan, trải nghiệm, khám phá thiên nhiên và giáo dục môi trường, du lịch mạo hiểm. (Tỷ lệ: 1: 100.000). - 02 Mô hình du lịch xanh gắn với các sản phẩm du lịch, tour, tuyến du lịch tham quan, khám phá thiên nhiên, trải nghiệm cho tổ chức kinh doanh du lịch và hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Báo cáo kết quả thử nghiệm 02 mô hình và chuyển giao, khai thác mô hình du lịch xanh cho một số đơn vị kinh doanh và hộ dân địa phương. - Báo cáo đề xuất quy hoạch và giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình du lịch xanh tại khu DTSQ thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. - Bộ tài liệu tập huấn nâng cao năng lực hoạt động du lịch cho cộng đồng và tờ gấp giới thiệu những sản phẩm du lịch xanh tiêu biểu, độc đáo dành cho du khách. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	
11	Nghiên cứu sưu tầm và phát huy giá trị các bài cúng (các bài hát khấn) của dân	Mục tiêu chung: Bảo tồn và phát huy giá trị các bài cúng của dân tộc Jrai, Bahnar trên địa bàn tỉnh Gia Lai, góp phần làm phong phú văn học dân	- 07 báo cáo chuyên đề. - Sách: Những bài cúng của dân tộc Bahnar ở Gia Lai (song ngữ Việt – Bahnar). Số lượng: 100 bản.	Đơn vị đề xuất: Hội văn học nghệ thuật tỉnh Gia Lai. Đơn vị đặt hàng: Ban

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	tộc Bahnar, Jrai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	gian của các dân tộc thiểu số Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Suu tầm các bài cúng (các bài hát khấn) của dân tộc Bahnar, Jrai trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Nghiên cứu môi trường thể hiện, giá trị nội dung, nghệ thuật của các bài cúng. - Hệ thống đội ngũ các nghệ nhân, có thể làm công tác truyền dạy các bài cúng cho các thế hệ sau.	- Sách chọn lọc: Những bài cúng của dân tộc Jrai ở Gia Lai (song ngữ Việt - Jrai). Số lượng: 100 bản. - Danh sách đội ngũ các nghệ nhân Jrai, Bahnar gồm ảnh chân dung, các thông tin cá nhân, tên các bài cúng. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	Dân tộc.
12	Giải pháp và định hướng đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu chung: Đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nhằm phát hiện những ưu điểm, hạn chế, khó khăn trong quá trình xây dựng nông thôn mới; từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới. Mục tiêu cụ thể - Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng nông thôn mới. - Đánh giá thực trạng quá trình xây dựng nông thôn mới và các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian qua. - Đề xuất các giải pháp chủ yếu đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương trong những năm tới.	- Các báo cáo chuyên đề: Hệ thống hoá cơ sở lý luận (quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và địa phương) về xây dựng nông thôn mới; Những nét đặc thù, nét riêng trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, qua đó chỉ ra được những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện những tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (đặc biệt là xây dựng nông thôn mới trong vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh); Những kinh nghiệm trong công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Những giải pháp xây dựng nông thôn mới bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo khoa học.	- Đơn vị đề xuất: Trường Chính trị tỉnh Gia Lai. - Đơn vị đặt hàng: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
13	Nâng cao năng lực xây dựng nền kinh tế tuần hoàn cho khu	Mục tiêu: Xây dựng mô hình điển hình về kinh tế tuần hoàn trên quy mô hợp tác xã, làm cơ	- 01 báo cáo tổng quan về thực trạng và nhu cầu xây dựng KTTX cho khu vực kinh tế tập thể, HTX.	- Đơn vị đề xuất: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Gia Lai.	sở đánh giá hiệu quả của mô hình và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, nhằm thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn hướng đến phát triển bền vững ngành nông nghiệp của tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá thực trạng và nhu cầu ứng dụng KTTH trong khu vực kinh tế tập thể, HTX của tỉnh Gia Lai. - Nâng cao năng lực và kỹ năng ứng dụng KTTH cho cán bộ chủ chốt của HTX, THT trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng 02 mô hình điển hình về ứng dụng KTTH trong lĩnh vực nông nghiệp cây chủ lực và chế biến nông sản quy mô HTX.	- 01 bộ tài liệu tập huấn về áp dụng các nguyên tắc KTTH cho khu vực kinh tế tập thể, HTX. - 04 lớp tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ các HTX, THT; mỗi lớp có khoảng 30-40 học viên tham dự. - 02 mô hình trình diễn về KTTH. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	trông Tây Nguyên. Đơn vị đặt hàng: Sở Khoa học và Công nghệ.
14	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Pleiku thành đô thị vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới	Mục tiêu chung: Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của Pleiku nói riêng và Gia Lai nói chung. Từ đó đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Pleiku thành đô thị vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Mục tiêu cụ thể - Xác định cơ sở lý luận và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng, đô thị. - Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của Pleiku nói riêng và Gia Lai nói chung trong bối cảnh phát triển vùng Tây Nguyên. Luận giải cơ sở khoa học và đề xuất các cơ	- Xác định cơ sở lý luận về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đô thị, vùng. Tập trung làm rõ những vấn đề mới về lý luận. - Phân tích kinh nghiệm một số nước về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng, đô thị và bài học tham khảo cho Việt Nam. - Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của Pleiku, Gia Lai giai đoạn vừa qua, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và luận giải nguyên nhân của kết quả và hạn chế. - Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Pleiku trở thành đô thị vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	- Đơn vị đề xuất: Hiệp hội Khoa học Hành chính Việt Nam. - Đơn vị đặt hàng: UBND thành phố Pleiku.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		ché, chính sách đặc thù phát triển thành phố Pleiku trở thành đô thị vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới.		
Lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ (02 nhiệm vụ)				
15	Xây dựng và xúc tiến quảng bá thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai (giai đoạn năm 2025 đến năm 2035, tầm nhìn 2050).	Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu “Du lịch Gia Lai” trở thành một thương hiệu mạnh và nổi tiếng thông qua việc tạo lập thành công nhãn hiệu chứng nhận (sau đây viết tắt là “NHCN”) và slogan “Du lịch Gia Lai”. Tạo cơ sở khoa học và pháp lý cho việc triển khai xây dựng và quảng bá thương hiệu tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2050) hiệu quả và bền vững nhằm nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của du lịch Gia Lai trong vùng Tây Nguyên. Mục tiêu cụ thể: - Tạo lập và đăng ký bảo hộ thành công NHCN “Du lịch Gia Lai” và slogan du lịch tỉnh Gia Lai “Gia Lai - Trải nghiệm và chia sẻ”. - Xây dựng cơ sở khoa học (bao gồm sơ sở lý luận và cơ sở thực tế) để xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2050). - Đề xuất định hướng phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2050). - Đề xuất giải pháp phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2025-2035,	- Giấy chứng nhận đăng ký NHCN “Du lịch Gia Lai” và Slogan du lịch tỉnh Gia Lai: “Gia Lai - Trải nghiệm và chia sẻ” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp. - Các báo cáo chuyên đề: Cơ sở lý luận xây dựng thương hiệu du lịch; Đánh giá tiềm năng du lịch tỉnh Gia Lai và giá trị du lịch cốt lõi; Đánh giá thực trạng phát triển du lịch tỉnh Gia Lai; Đánh giá thực trạng xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai; Đánh giá tác động của bối cảnh trong và ngoài nước đến việc xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai; Định vị thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2050); Định hướng phát triển thị trường khách du lịch mục tiêu; Định hướng xây dựng nhóm sản phẩm du lịch đặc thù, lan toả thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai; Giải pháp triển khai xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai; Giải pháp truyền thông thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai. - Báo cáo tổng hợp đề tài.	- Đơn vị đề xuất: Liên hiệp Khoa học Phát triển du lịch bền vững. - Đơn vị đặt hàng: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
16	Tạo lập (Đăng ký), quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Sầu riêng Gia Lai” cho sản phẩm sầu riêng của tỉnh Gia Lai.	tầm nhìn 2050). - Đề xuất giải pháp truyền thông quảng bá và quản trị thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai. Mục tiêu chung: Phát triển chuỗi giá trị thông qua tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Sầu riêng Gia Lai”, từ đó giúp bảo vệ danh tiếng, quản lý chất lượng, tạo thêm giá trị gia tăng và nâng cao thu nhập cho các tác nhân sản xuất, kinh doanh sầu riêng Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá được thực trạng sản xuất và kinh doanh sầu riêng Gia Lai để xác định phương án đăng ký bảo hộ và tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận. - Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Sầu riêng Gia Lai” được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận hợp lệ và cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu. - Xây dựng được hệ thống văn bản, công cụ quản lý, truy xuất thông tin sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận, được chủ sở hữu ban hành. - Hệ thống nhận diện thương hiệu và công cụ truyền thông, quảng bá, giới thiệu sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận được xây dựng và sử dụng trong phân phối sản phẩm. - Xây dựng được mô hình tổ chức quản lý,	- 01 Báo cáo thực trạng sản xuất và kinh doanh sầu riêng Gia Lai. - 01 Phương án đăng ký bảo hộ và quản lý nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm sầu riêng Gia Lai. - 01 Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận hợp lệ. - 01 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (văn bằng bảo hộ) sầu riêng Gia Lai do Cục Sở hữu trí tuệ cấp. - 01 Hệ thống văn bản, công cụ quản lý và truy xuất thông tin sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận. - 01 Hệ thống nhận diện thương hiệu và công cụ truyền thông, quảng bá, giới thiệu (trực tiếp và trực tuyến) sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận. - Ít nhất 03 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sầu riêng Gia Lai được trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. - 01 Mô hình quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận. - Ít nhất 03 kênh phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu được xây dựng trên cơ sở liên kết giữa tổ chức, cá nhân được trao quyền với đơn vị phân phối. - 01 Báo cáo kết quả vận hành mô hình quản	- Đơn vị đề xuất: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp. - Đơn vị đặt hàng: Sở Công Thương; UBND các huyện Đức Cơ, Ia Grai.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		cấp quyền cho các chủ thể sản xuất và kinh doanh hiệu quả sản phẩm mang NHCN “Sầu riêng Gia Lai”. - Xây dựng và vận hành 03 mô hình liên kết sản phẩm mang NHCN “Sầu riêng Gia Lai” theo chuỗi giá trị. - Tăng cường được năng lực quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh sầu riêng Gia Lai.	lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận. - 01 Báo cáo kết quả tập huấn tăng cường năng lực quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	
Lĩnh vực: Năng suất Chất lượng (03 nhiệm vụ)				
17	Triển khai áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống, công cụ cải tiến năng suất nhằm thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng tại các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu chung: - Xây dựng các mô hình về cải tiến năng suất dựa trên áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất cho các lĩnh vực khác nhau gồm sản xuất, dịch vụ, y tế, giáo dục- đào tạo nhằm đạt tới sự thay đổi về tư duy, nhận thức, ý thức, tăng cường kỹ năng và hoàn thiện phương pháp luận làm cơ sở nhân rộng mô hình nâng cao năng suất, chất lượng ở giai đoạn 2026-2030. - Cung cấp một báo cáo đánh giá cơ bản về thực trạng, mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của các doanh nghiệp làm căn cứ xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp với doanh nghiệp và hướng đến nhân rộng mô hình. Mục tiêu cụ thể: - Nâng cao nhận thức và kiến thức về năng suất, chất lượng trong bối cảnh hội nhập	- 02 mô hình điểm về cải tiến năng suất, thúc đẩy các hoạt động, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất cho doanh nghiệp TPI. - 01 hình điểm áp dụng giải pháp nâng suất xanh tại doanh nghiệp. - 01 bệnh viện áp dụng hệ thống quản lý năng lực chất lượng phòng xét nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 cho trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - 01 bệnh viện/phòng khám áp dụng thực hành tốt 5S. - 04 trường học áp dụng công cụ thực hành tốt 5S. - 01 trường học xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 21001:2018. - 04 tổ chức/doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.	- Đơn vị đề xuất: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Gia Lai. - Đơn vị đặt hàng: Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các tổ chức, doanh nghiệp, trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng các mô hình điểm nâng cao năng suất chất lượng, áp dụng lộ trình chuyển đổi số tại các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cụ thể: + 02 mô hình điểm nâng cao năng suất cho doanh nghiệp thông qua áp dụng mô hình TPI; + 01 mô hình điểm áp dụng giải pháp năng suất xanh cho doanh nghiệp; + 01 mô hình điểm bệnh viện áp dụng hệ thống quản lý năng lực chất lượng phòng xét nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 15189 :2022; + 01 mô hình bệnh viện/phòng khám áp dụng công cụ thực hành tốt 5S; + 01 mô hình trường học/cơ sở giáo dục áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 21001:2018; + Đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số cho 15 tổ chức/ doanh nghiệp và 02 doanh nghiệp/tổ chức được hỗ trợ chuyên sâu về chuyển đổi số, xây dựng lộ trình chuyển đổi số hướng tới sản xuất thông minh, tiếp cận giải pháp công nghệ 4.0; - Triển khai tư vấn, hỗ trợ các tổ chức/doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ nâng cao năng suất: 04 trường học áp dụng công cụ thực hành tốt 5S; 04 tổ chức/doanh nghiệp xây	- 04 tổ chức/doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018. - 04 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật. - 02 doanh nghiệp/tổ chức được hỗ trợ chuyên sâu về chuyển đổi số, xây dựng lộ trình chuyển đổi số hướng tới sản xuất thông minh, tiếp cận giải pháp công nghệ 4.0 - Báo cáo thực trạng các doanh nghiệp, cơ sở áp dụng điểm; - Báo cáo quá trình thực hiện tại các doanh nghiệp, cơ sở áp dụng điểm; - Các báo cáo hướng dẫn triển khai các hệ thống, công cụ áp dụng điểm, gồm: + Mô hình cải tiến năng suất tổng thể tại doanh nghiệp + Mô hình năng suất xanh tại doanh nghiệp + Áp dụng hệ thống quản lý năng lực chất lượng phòng xét nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 15189 : 2022 + Áp dụng 5S trong bệnh viện/cơ sở y tế + Áp dụng 5S tại trường học + Hệ thống quản lý đối với tổ chức giáo dục theo tiêu chuẩn TCVN ISO 21001:2018. + Xây dựng lộ trình chuyển đổi số, tiến tới sản xuất thông minh cho doanh nghiệp + Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tại	

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
18	Đánh giá thực trạng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đề xuất các chính sách khuyến khích thúc đẩy nâng cao năng suất dựa trên nền tảng KHCN & ĐMST giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2040.	dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 04 tổ chức/doanh nghiệp xây dựng áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018; 04 tổ chức/ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật. - Bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức về năng suất, kỹ năng triển khai nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng suất cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia của tỉnh phục vụ cho triển khai các hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng của tỉnh ở giai đoạn tiếp theo. Mục tiêu chung: Xác định thực trạng tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trên địa bàn tỉnh. Từ đó đề xuất chính sách, các giải pháp hỗ trợ thúc đẩy tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) dựa trên nền tảng KHCN&ĐMST. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá thực trạng tăng năng suất giai đoạn 2021-2025 (ước 2025) trên địa bàn tỉnh. - Đề xuất các chính sách, giải pháp, nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) dựa trên nền tảng KHCN & ĐMST. - Đề xuất mục tiêu tăng năng suất giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2040.	doanh nghiệp. - Các ấn phẩm chia sẻ (gồm 08 bài viết về các mô hình điểm áp dụng hệ thống, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng). - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	- Đơn vị đề xuất: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Gia Lai. - Đơn vị đặt hàng: Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
19	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Mục tiêu chung: Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể - Xây dựng khung nghiên cứu về năng lực đổi mới sáng tạo phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Đánh giá thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai ở 3 nhóm ngành: (1) nông lâm nghiệp, (2) công nghiệp, (3) dịch vụ. Đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở 3 nhóm ngành: (1) nông lâm nghiệp, (2) công nghiệp, (3) dịch vụ giai đoạn 2025-2030.	công thông tin ở các báo đài địa phương, trung ương và các cơ quan thông tấn trên địa bàn tỉnh. - 02 bài báo khoa học. - 01 bản kiến nghị cho UBND tỉnh Gia Lai về các giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030. - 01 bản kiến nghị, các giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030. - 01 cẩm nang hướng dẫn nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở 3 nhóm ngành: (1) nông lâm nghiệp, (2) công nghiệp và (3) dịch vụ. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.	- Đơn vị đề xuất: Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh. - Đơn vị đặt hàng: Sở Công thương; Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh Gia Lai.

Tổng số nhiệm vụ: 19 nhiệm vụ. Trong đó:

- Lĩnh vực Khoa học Nông nghiệp: 05 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ: 03 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực Khoa học Tự nhiên: 01 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực Khoa học Xã hội, Văn hóa, Quản lý: 05 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 02 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực Năng suất Chất lượng: 03 nhiệm vụ.